

Tư tưởng trọng Nho giáo của Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi

Đào Vũ Vũ *

Tóm tắt: Việt Nam vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV đứng trước bài toán chuyển đổi ý thức hệ từ Phật giáo sang Nho giáo do nhu cầu củng cố, phát triển và bảo vệ đất nước. Cả Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi đều chủ trương đặt Nho giáo làm ý thức hệ trung tâm. Hồ Quý Ly chủ trương Nho giáo với các giá trị thực dụng nhưng lại thất bại trong việc lấy lòng dân. Còn Nguyễn Trãi đề cao giá trị nhân nghĩa trong Nho giáo để lấy lòng dân, đoàn kết cộng đồng để giành lại độc lập cho dân tộc và xây dựng nên nhà Lê.

Từ khóa: Nho giáo; nhân nghĩa; Hồ Quý Ly; Nguyễn Trãi.

1. Mở đầu

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo) hòa đồng là xu thế chảy ngầm và chủ đạo. Tuy nhiên, vị trí của 3 tôn giáo đó không phải như nhau. Cuối nhà Hồ đầu nhà Lê là giai đoạn chuyển giao từ tư tưởng lấy Phật giáo làm trung tâm sang tư tưởng lấy Nho giáo làm trung tâm. Hai nhân vật đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển giao này là Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi. Cả Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi đều là những người chủ trương dùng Nho giáo làm nền tảng cho quốc gia. Xu thế sử dụng Nho giáo để chấn chỉnh đất nước là xu thế tất yếu lúc bấy giờ. Tuy nhiên, cách thức lấy Nho giáo làm trung tâm của mỗi người lại khác và vì thế tạo ra những hiệu quả khác nhau. Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly nhanh chóng bị tiêu tan khi dân tộc rơi vào cảnh ngoại xâm. Nhà Hồ không được các sử gia của *Đại Việt sử ký toàn thư* đặt vào chính sử. Trong khi đó, Nguyễn Trãi cùng với Nho giáo đã giúp dân tộc giành lại độc lập, dựng lên nhà Lê, chính thức đặt Nho giáo làm ý thức hệ trung tâm của xã hội.

2. Tư tưởng trọng Nho giáo của Hồ Quý Ly

Hồ Quý Ly (1336 - 1407) là người mà chỉ trong vòng 16 năm (từ năm 1371 đến năm 1387) đã đứng trên đỉnh cao danh vọng, nắm quyền bính quốc gia và chủ trương cải cách kiên quyết. Năm 1398, Hồ Quý Ly tự xưng là Đại vương, thay vua giữ chính quyền và đến năm 1400 thì truất vua, tự xưng là Hoàng Đế, lập nên nhà Hồ. Đến cuối năm lại truyền ngôi cho con thứ là Hán Thương và cùng con trị vì đất nước. Vì những hành động táo bạo và tiếm quyền nhanh chóng này nên nhiều người đánh giá Hồ Quý Ly là kẻ đã cướp ngôi nhà Trần. Đương thời cũng không ít người phản đối. Các tướng sĩ Lê Á Phù, Nguyễn Hà, Nguyễn Bát Sách, Lê Lặc và Lương Thường thì đòi phục lại nhà Trần và đều bị Hồ Quý Ly giết hại. Năm 1398, Hồ Quý Ly đã giết hại khoảng 300 người sau khi âm mưu ám sát Hồ Quý Ly của các đại thần thân tộc nhà Trần bị thất

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0435147105.
Email: daovuvu@gmail.com.

bại. Hồ Quý Ly đã tạo ra không khí khủng bố trong giới quan lại cũng như trong dân chúng, bởi “pháp quyền mà không hợp lòng dân thì trở thành sức mạnh áp bức bạo ngược, gây thù chuốc oán!” [1, tr.396].

Hồ Quý Ly là nhân vật phải đảm trách việc giải quyết khủng hoảng xã hội đương thời. “Triều đình cần một người có khả năng và quyền lực để nhận lãnh sứ mệnh giúp vua cai quản đất nước, chống giặc ngoại xâm. Người đó lúc này, không còn ai hơn Hồ Quý Ly” và “sự lên ngôi của Hồ Quý Ly năm 1400 như một sự chín muồi trong yêu cầu giải quyết khủng hoảng cung đình. Hồ lên thay Trần” [2, tr.88, 92].

Trong thời buổi mà nhiều người trong giới tăng lữ Phật giáo đã quá chây lì, ăn bám và lười biếng thì cần phải thay thế ý thức hệ Phật giáo bằng ý thức hệ mới làm chuẩn mực cho các quan hệ trong xã hội cũng như chuẩn mực đạo đức xã hội. Số lượng nho sĩ thời Trần đã tăng lên đáng kể, các ngành như văn học, sử học phát triển mạnh mẽ hơn trước đó. Việc các nhà nho công khai phê phán Phật giáo, có thể kể ra như Trương Hán Siêu, Lê Quát, Lê Văn Hưu cũng là việc dễ hiểu. Các nho sĩ chủ yếu phê phán “tác phong” của giới Phật giáo [3, tr.272 - 274], đồng thời đưa ra mẫu hình “xử sĩ” lí tưởng của Nho giáo. Những người theo “tư tưởng xử sĩ của Nho học chân chính rất sợ danh tiếng ở đời, sống vì danh, chết vì danh” vì thế “phải chờ thời, đợi thời cơ, cốt giữ lòng mình “tòng nhất nhi chung” và tin vào thiên mệnh, ý trời toàn trí, toàn năng, thường cùng với người lành” [4, tr.113]. Chính vì tâm thế xử sĩ này nên bản thân các nho sĩ đã không thoát khỏi sự kiểm tỏa của học thuyết Nho giáo mang tính ngoại lai. Về vấn đề này, Nguyễn Đăng Thục nhận định: “Triết lý vương đạo lý

tướng của Trần Nguyên Đán dẫn lại Thượng hoàng Nghệ Tông, “coi Minh như cha, thương Chiêm Thành như con”, không thực tế chút nào cả, chỉ là thơ ngây và không tưởng” [4, tr.74].

Cũng có thể chính bởi bệnh giáo điều và rập khuôn của các nho sĩ nên khi Lê Bá Quát hay Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ thì vua Trần đã không đồng ý [5, tr.273]. Nhưng khi đối chiếu với thái độ tin tưởng vào Hồ Quý Ly của vua Nghệ Tông, ta có thể hiểu rằng, việc thay đổi chế độ hiển nhiên là việc làm khó, tuy nhiên cái mà nhân dân cần chính là sự thực tế, những con người thực sự vì dân vì nước.

Trong tình hình đó, Hồ Quý Ly đã đi đúng hướng. Trước hết, Hồ Quý Ly đã phê phán kịch liệt bọn “Nho sinh mặt trắng”, phê phán việc học Nho rập khuôn và thái độ sùng Tống Nho, tự ti trước Tống Nho của giới nho sĩ lúc bấy giờ. Cuốn *Minh đạo* của ông dâng lên vua Nghệ Tông thể hiện tinh thần mà theo Nguyễn Đăng Thục là “cùng lý trí dụng”, đặt tiêu chuẩn của học thuật vào cái thực dụng, thực tế, thực nghiệm làm chuẩn đích. Do đó, Hồ Quý Ly là nhân vật hiếm hoi trong lịch sử tư tưởng Việt Nam phê phán Nho học. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Quý Ly soạn sách *Minh đạo* gồm 14 thiên dâng lên. Đại lược cho Chu Công là tiên thánh, Khổng Tử là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công ở chính giữa, nhìn về phương Nam, Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương Tây. Cho sách *Luận Ngữ* có bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử, Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần, Công Sơn, Phật Hất cho gọi mà Khổng Tử đều muốn tới giúp. Cho Hàn Dũ là “đạo nho”, cho bọn Chu Mậu Thúc, Trình Di, Dương Thi, La Trọng Tổ, Lý Diên Bình, Chu Tử, tuy học rộng nhưng ít

tài không sát với sự việc, chỉ thạo cóp nhặt [văn chương người xưa]” [6, tr.318 - 319].

Nhận thức được thực tế tình hình đất nước, lại có thái độ phê phán giới nho sĩ đông đảo nhưng thiếu thực chất, Hồ Quý Ly nhanh chóng nắm lấy quyền lực, dựng lên nhà Hồ để có thêm sức mạnh trong việc thực hiện các chính sách thực tế cho đất nước. Nhưng bản thân Hồ Quý Ly lại mâu thuẫn với ý thức hệ Nho giáo về vấn đề vương quyền, bởi ông không có một cơ sở nào để đứng lên ngôi vị làm “cha mẹ” của muôn dân.

Nguyễn Tài Thư trong bài “*Hồ Quý Ly: cuộc thử nghiệm về xây dựng nền Nho học mang sắc thái Việt Nam*” [7] đã chỉ ra rằng, cải cách Nho học của Hồ Quý Ly là “cuộc thử nghiệm về xây dựng nền Nho học mang sắc thái dân tộc Việt Nam, sao cho nó thiết thực hơn, dân tộc hơn và phổ cập hơn”. Trong tương quan với thời đại Nho học bị phê phán là “học phong rập khuôn theo kiểu phương Bắc” với toàn bộ “học trò mặt trắng” [8, tr.145] và cục diện tư tưởng như đã phân tích ở trên, thì đánh giá về vị trí của Hồ Quý Ly trong dòng tư tưởng Nho giáo Việt Nam như “cuộc thử nghiệm” là hoàn toàn xác đáng.

Xu hướng cải cách Nho giáo theo hướng chống giáo điều và thực tế của Hồ Quý Ly có một phần như một số học giả nhận định là: “Xuất phát từ lợi ích của tập đoàn phong kiến do Hồ Quý Ly làm đại biểu” [3, tr.276]. Nhưng có thể thấy rằng, Hồ Quý Ly là nhân vật đã thúc đẩy cho quá trình chuyển giao ý thức hệ từ Phật giáo sang Nho giáo. Thái độ phê phán Nho giáo của Hồ Quý Ly đã mở ra khuynh hướng đề cao tính thực tiễn của Nho giáo, khuynh hướng này có thể thấy ở các học giả như Lê Quý

Đôn, Lê Hữu Trác. Mặc dù “vấn đề lớn mà Hồ Quý Ly nêu ra là thay đổi học phong thì không được triều đại nào thừa nhận” (theo nhận định của Nguyễn Tài Thư) nhưng nếu nhìn từ góc độ giá trị quan, Hồ Quý Ly đã khôi phục giá trị thực dụng cho Nho giáo Việt Nam thời kì này.

Trên thực tế, những việc làm của Hồ Quý Ly đã không được lòng người thuận theo, mặc dù đều thực tế và cần kíp cho đất nước lúc bấy giờ. Thất bại của Hồ Quý Ly đã được nhiều học giả chỉ ra. Hồ Quý Ly tiếm quyền, đẩy đất nước vào cảnh ngoại xâm là những lý do thường được dẫn ra nhất. Nhân dân thì mệt mỏi nhưng Hồ Quý Ly lại áp dụng nhiều chính sách cứng nhắc. Việc xây dựng thành nhà Hồ khiến dân chúng oán thán. Đó cũng là lý do khiến Hồ Quý Ly thất bại trong công cuộc chuyển đổi đất nước sang ý thức hệ Nho giáo. “Lòng dân mạnh hơn pháp luật - không được ủng hộ của nhân dân là nguyên nhân quyết định sự thất bại của nhà Hồ” [1, tr.396]. Hồ Quý Ly đã không lấy được lòng dân nên những chủ trương của ông dù đúng đắn, vẫn thất bại.

3. Tư tưởng trọng Nho giáo của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), năm 1400, ông đỗ Thái học sinh trong khoa thi Đình đầu tiên dưới triều nhà Hồ. Năm sau ông giữ chức Ngự sử đài Chính chương. Năm 1407, giặc Minh xâm lược, cha con Hồ Quý Ly bị bắt, nhiều người bị giết hoặc đưa về Trung Quốc, Nguyễn Trãi trốn thoát được. Đến năm 1418, ông gặp Lê Lợi, trao *Bình Ngô sách* và thuyết phục Lê Lợi khởi nghĩa, giành lại độc lập cho dân tộc. Sau khi đánh đuổi giặc Minh và dựng lên nhà Lê, Nguyễn Trãi với tư cách là Khai quốc công thần viết *Bình Ngô đại cáo* để tuyên bố với

nhân dân về sự thắng lợi này cũng như sự ra đời của nhà Lê.

Trong *Bình Ngô đại cáo*, bản thân Nguyễn Trãi đã phê phán Hồ Quý Ly: “Nhân họ Hồ chính sự phiền hà/ Để trong nước lòng dân oán hận”. Thậm tệ hơn, ông còn cho đó là lí do khiến “quân cường Minh thừa cơ tứ ngược”, khiến cho đất nước rơi vào cảnh ngoại xâm, nhân dân chịu bao sự tàn sát, bóc lột của chúng. Từng là người làm việc trong triều đình Hồ Quý Ly và ở những chỗ khác, Nguyễn Trãi thể hiện thái độ cô trung với nhà Hồ, ông gọi Hồ Quý Ly là “anh hùng trên đời, anh hùng một thời” đồng thời cũng là “anh hùng di hận, anh hùng thế thượng, anh hùng thế” [9, tr.433 - 445]... Điều này cho thấy, Nguyễn Trãi công nhận con người và những việc Hồ Quý Ly đã làm, nhưng ông cũng đã tiếp nối tinh thần phê phán của Hồ Quý Ly để phê phán một dạng nhà Nho khác, không phải là “nho sinh mặt trắng” mà là “nho sĩ chuyên quyền” mà đại diện là Hồ Quý Ly.

Ông chỉ ra nguyên nhân thất bại của Hồ Quý Ly là đã “để lòng dân oán hận”. Nguyễn Trãi đúc kết từ kinh nghiệm lịch sử, từ sự thất bại của nhà Hồ, và từ chính tư tưởng Nho giáo chân chính. Tư tưởng của Nguyễn Trãi là bổ khuyết cho sai lầm của Hồ Quý Ly, đó là việc đúc rút ra tư tưởng chính trị mang tính chất trọng dân: “Chở thuyền cũng là dân mà lật thuyền cũng là dân”, đó là việc tuyên bố “việc nhân nghĩa đích thực”: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điều phạt trước lo trừ bạo”. Trong câu nói trên, Nguyễn Trãi vừa chứng tỏ cái “nhân nghĩa đúng đắn”, đích thực của Nho giáo là phải làm dân yên lòng, việc làm nhân nghĩa của quân điều phạt phải là trừ bạo chứ không phải để sát phạt khi thao túng quyền

lực như Hồ Quý Ly đã từng làm.

Nguyễn Trãi có tư tưởng thương người khi ông hiểu con người ai cũng có quyền sống. Lấy căn cứ từ “lòng trời bất sát”, trong những lần thư từ trao đổi với tướng giặc, Nguyễn Trãi cho rằng ai sinh ra cũng đều có quyền sống, có quyền sinh hoạt yên ổn: “Ghét chết thích sống, tìm vinh tránh nhục, đó là thường tình của người ta” [10, tr.358]. Chính vì thế không thể vì bất cứ lý do nào để cướp đi cuộc sống, tính mạng của con người. Ông phê phán hành động “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn/ Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ” của giặc Minh là hành động “bại nhân nghĩa nát cả càn khôn”, là hành động phá hoại nhân nghĩa, đạo lý của trời đất. Hành động bạo ngược của chúng khiến trời đất không thể dung thứ, khiến con người không thể nhẫn nhịn chịu đựng, vì thế phải điều phạt để trừ bạo, để trừ khử những kẻ xâm hại tới thiên đạo hiếu sinh. Tư tưởng nhân nghĩa này mang ý nghĩa bảo vệ cái chính nghĩa. Chính nghĩa ở đây là việc dấy nghĩa binh chống lại những kẻ đang dẫm đạp lên đất nước của người khác, chống lại những kẻ giết hại người dân vô tội.

Nguyễn Trãi cũng dùng chính tư tưởng nhân nghĩa để “đối lý” với tướng giặc: “Nước mây [...] mượn danh nghĩa điều dân phạt tội để thực hành việc bạo tàn, lấn cướp đất nước ta, bóc lột nhân dân ta, thuế nặng hình ác, vợ vét của quý, người dân hèn mọn nơi xóm làng chẳng được sống yên. Lòng nhân nghĩa mà lại như thế ư?” [10, tr.377 - 378]. Ông tuyên cáo về cuộc chiến đối trá, giả danh nhân nghĩa của giặc Minh. Nhưng ông cũng đối xử với quân giặc theo đúng nghĩa con người. Ông tôn trọng chúng hết mực, cư xử tử tế với đúng địa vị của chúng:

“Đệ ở Đông Quan, nghe tin *hiền huynh* dời ra ngoài thành bái kiến Trần chúa của chúng tôi. Thật đáng mừng! Từ nay giải binh... Như thế mới đúng là *bạc quân tử* biết thời cơ. Đó là cái tình giao hảo, dù đến trăm năm cũng không quên” [10, tr.392]. Cũng với quan điểm nhất quán tin tưởng vào ý hướng thiện và lòng người biết phải, khi quân giặc đã thua trận, đã chịu đầu hàng, Nguyễn Trãi không vì oán giận mà chém giết, ông quay về với tư tưởng thương người, trung thành với đạo hiếu sinh của trời đất để mở đường sống cho giặc. Ông kể trong *Bình Ngô đại cáo*: “Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội/ Thế lòng trời đất bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh”. Có thể thấy, Nguyễn Trãi đã nhìn tướng giặc ở vị trí của những con người trước khi coi họ là kẻ thù đã dẫm đạp lên quê hương, đất nước mình.

Như vậy, từ đầu tới cuối, trong suốt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi trung thành với tư tưởng và hành động nhân nghĩa của mình, với đúng tinh thần mà ông tuyên bố: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân mà thay cường bạo”. Cơ sở để ông thực hiện được triết học nhân nghĩa của mình là niềm tin vào con người, vào lương tâm trong sâu thẳm tâm hồn con người, vào ý hướng biết điều chính nghĩa, biết hướng thiện của con người. Chính vì vậy mà ông đã cảm phục được nhân tâm của không chỉ người Việt Nam mà còn của cả kẻ địch và đã hoàn thành sứ mệnh giành lại độc lập dân tộc, xây dựng nên nhà nước mới, đại diện cho người Việt Nam. Khi nhà Lê với mô hình Nho giáo được dựng lên cũng là lúc đánh dấu sự lên ngôi chính thống của Nho giáo trong lịch sử tư tưởng dân tộc.

4. Kết luận

Vào thế kỷ XIV - XV, Nho giáo đáp ứng được việc giải quyết các yêu cầu của lịch sử, là ý thức hệ phù hợp với thời đại lúc đó. Hồ Quý Ly tuy trọng Nho giáo nhưng thất bại trong cải cách của mình bởi đã không thu hút được nhân dân tham gia vào sự nghiệp chung. Bài học cần rút ra ở đây, cũng chính là điều mà nhiều triết nhân đã chỉ ra, đó là “hãy tự biết mình”. Chỉ trong một thời gian ngắn, Hồ Quý Ly đã trở thành người nắm giữ quyền lực với đường lối dứt khoát, thực dụng và mạnh mẽ. Bản thân ông cũng tự xưng là vua, tự dựng lên nhà Hồ và đã mạnh tay loại bỏ những ai không theo mình. Hồ Quý Ly đứng ở lập trường bản thân mình là chủ, đất nước mà ông cai quản nằm trong quyền kiểm soát của ông và ông có toàn quyền để thực thi các chính sách cải cách của mình. Nhưng Hồ Quý Ly đã tạo ra không khí khủng bố trong dân chúng và triều đình, không lấy được lòng dân, không thuyết phục được dân chúng thực hiện theo các chính sách của mình. Do đó, ông không được nhân dân ủng hộ. Hồ Quý Ly đề cao Nho giáo nhưng lại phê phán những nhà nho “mặt trắng” chỉ biết núp sau bóng của các thánh nhân Trung Quốc nên không được giới trí thức Nho học trong xã hội ủng hộ. Thái độ đề cao sự độc lập tư tưởng trong Nho giáo Việt Nam của ông là đúng nhưng cách thức phê phán của ông là sai. Nho giáo có những nội dung giá trị và việc học cái đúng đắn và hành động theo cái đúng đắn không thể là sai lầm. Vấn đề nằm ở chỗ làm thế nào để khơi gợi sức mạnh từ cái đúng đắn? Nguyễn Trãi là người đã làm được việc đó.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi giương cao ngọn cờ

nhân và nghĩa. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là một giá trị nhân bản. Ông mô tả trong *Bình Ngô đại cáo* rằng, nhà Minh bòn rút của cải, bóc lột dân chúng, đốt sách vở và phá hoại nền nhân văn nước Việt, chém giết dân đen không thương tiếc. Với Nguyễn Trãi, vấn đề nhân tính quan trọng không kém vấn đề dân tộc. Con người tại sao lại có thể chém giết lẫn nhau? Bản thân việc chém giết ấy không thể là hành động của con người, của loài người. Nguyễn Trãi dùng ngòi bút (khi thì nạt nộ, khi thì thuyết phục, khi thì mặt hạ, khi lại đề cao) để khơi gợi lên tính người của các viên tướng chỉ huy giặc Minh. Chính vì thế, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là giá trị có tính toàn cầu. Nó phải là nguyên tắc nền tảng để xây dựng các giá trị khác trong thời đại ngày nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Đăng Thanh (2008), “Pháp quyền Hồ Quý Ly”, trong: *Họ Hồ và Hồ Quý Ly trong lịch sử* (Nguyễn Hiền - Đức tổ chức bản thảo), Tạp chí *Xưa và Nay* và Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Văn Tạo (2006), *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên) (2006), *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đăng Thục (1998), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.5, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Phan Phu Tiên viết: “Triều thần bảy giờ như Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua (Trần Minh Tông) nói: Nhà nước đã có phép tắc nhất định, Nam Bắc khác nhau, nếu nghe theo kẻ của kẻ học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì loạn ngay”. Dẫn theo: Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên) (2006), *sđd*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Công ty Đông A (2010), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Tài Thư (2012), “Hồ Quý Ly: Cuộc thử nghiệm về xây dựng nền Nho học mang sắc thái Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo *Mối quan hệ giữa Nho giáo và các trào lưu tư tưởng khác trong lịch sử tư tưởng Việt Nam và Hàn Quốc* do Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Nho giáo - Đại học Chung Nam Hàn Quốc tổ chức.
- [8] Nguyễn Tài Thư (1997), *Nho học và Nho học ở Việt Nam (Một số vấn đề lý luận và thực tiễn)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Xem thêm: Bùi Duy Tân (2008), “Hồ Quý Ly qua thơ văn của Nguyễn Trãi”, trong: *Họ Hồ và Hồ Quý Ly trong lịch sử* (Nguyễn Hiền - Đức tổ chức bản thảo), Tạp chí *Xưa và Nay* và Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [10] Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (1998), “Thư gửi thái giám Sơn Thọ”, *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- [11] Nguyễn Công Lý (2011), “Đanh nhân Nguyễn Trãi: Sự hội tụ những tinh hoa của văn hóa Thăng Long thời Lý - Trần”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 1 (104).
- [12] Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Hiền - Đức tổ chức bản thảo (2008), *Họ Hồ và Hồ Quý Ly trong lịch sử*, Tạp chí *Xưa và Nay*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.

